

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 9 năm 2020
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Chiến và bà Bùi Thị Thiềm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Hồng N.

HKTT: Thôn T, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tạm trú tại: Thôn M, xã N, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H.

Địa chỉ: Thôn T, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người có quyền lợi liên quan:

+ Bà Trần Thị H,

Trú tại: thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đắk Lắk.

Địa chỉ: xx đường T, thành phố B, Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Ngân hàng TMCP BV.

Địa chỉ: x P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Vắng mặt.

+ Ngân hàng C, Vắng mặt.

Địa chỉ: Số .. đường D, tổ dân phố x, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Vũ Thị Hồng N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/3/2010.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp. Anh H thường xuyên đánh đập chị. Gần nhất vào ngày 08/02/2020 vợ chồng xảy ra cãi vã, anh H tiếp tục đánh đập chị, anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị N và anh H có 03 con chung là Nguyễn Vũ Anh T, sinh ngày 17/4/2010; Nguyễn Vũ Tuấn V, sinh ngày 30/8/2013 và Nguyễn Vũ Tuấn Th, sinh ngày 10/4/2017. Cả ba con chung hiện đang ở với anh H.

Khi ly hôn chị N đồng ý để anh H được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N và anh H có các khoản nợ chung như sau:

- Nợ Ngân hàng TMCP BV – CN Đắk Lắk số tiền khoảng 18.000.000đ, chị N nhận trả nợ khoản nợ này và đã trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Nợ Ngân hàng TMCP D – CN Đắk Lắk. Địa chỉ xx, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk số tiền khoảng 14.000.000đ, chị N nhận trả nợ khoản nợ này và đã trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Nợ Ngân hàng C – Chi nhánh huyện K 30.000.000đ tiền gốc, anh H nhận trách nhiệm trả khoản nợ này.

- Nợ bà Trần Thị H – trú tại: Thôn ..., xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai số tiền 35.000.000đ để trả khoản nợ của Ngân hàng N, anh H nhận trả khoản này, chị nhận trả cho anh H 50% khoản nợ trong tháng 11/2020. Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Anh và chị Vũ Thị Hồng N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/3/2010.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được, vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau. Anh chị chỉ cãi vã chứ không xảy ra xô xát, việc chị N nói anh H thường xuyên đánh đập chị N là không đúng sự thật. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh chấp nhận yêu cầu của chị N.

Về con chung: Anh H và chị N có 03 con chung là Nguyễn Vũ Anh T, sinh ngày 17/4/2010; Nguyễn Vũ Tuấn V, sinh ngày 30/8/2013 và Nguyễn Vũ Tuấn Th, sinh ngày 10/4/2017.

Khi ly hôn, anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay anh H đang làm nông và làm thuê thêm ở ngoài, thu nhập khoảng 7.000.000đ/01 tháng, có nhà ở riêng, đủ khả năng nuôi cả ba con chung.

Về tài sản chung: Anh H và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H và chị N có các khoản nợ chung như sau:

- Nợ Ngân hàng TMCP BV số tiền khoảng 18.000.000đ.
- Nợ Ngân hàng TMCP D – CN Đắk Lắk. Địa chỉ P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk số tiền khoảng 14.000.000đ, hai khoản nợ trên chị N trả.
- Nợ Ngân hàng C – Chi nhánh huyện K 30.000.000đ tiền gốc, anh H có trách nhiệm trả.
- Nợ bà Trần Thị H – trú tại: Thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai số tiền 35.000.000đ, anh H nhận trả nhưng yêu cầu chị N phải trả cho anh 50%.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:** Ngày 22/12/2019 âm lịch, anh H có mượn bà H số tiền là 35.000.000đ để đáo hạn ngân hàng. Nay anh H và chị N ly hôn và anh chị đã có thỏa thuận về số tiền nợ của bà, anh Nguyễn Thanh H đã đồng ý trả số tiền 35.000.000đ cho bà H. Vậy bà H không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K giải quyết số tiền mà anh H đã mượn, hai bên đã tự thỏa thuận và bà H đã đồng ý để anh H trả số tiền trên cho bà.

- **Tại văn bản số 124/NHCS-HC ngày 24/8/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C trình bày:** Ông Nguyễn Thanh H và bà Vũ Thị Hồng N có vay Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K tại khế ước số 6600000714106744 ngày 20/44/2018, chương trình vay hộ cận nghèo, hạn trả vào ngày 09/11/2022 số tiền 30.000.000đ. Theo bản cam kết ngày 28/7/2020 ông Nguyễn Thanh H nhận nghĩa vụ trả phần nợ vay Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K với số tiền 30.000.000đ và cam kết trả nợ như sau: Lần 01 vào ngày 15/12/2020 trả 10.000.000đ; lần 2 vào ngày 15/12/2021 trả 10.000.000đ; lần 3 vào ngày 15/12/2022 trả 10.000.000đ. Ngân hàng đồng ý với bản cam kết trên nhưng riêng lần 3 ông H phải trả vào ngày 09/11/2022 theo đúng kỳ hạn trả nợ cuối cùng theo khế ước đã ký với Ngân hàng.

- **Tại văn bản ngày 27/8/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP BV trình bày:** Hiện nay bà Vũ Thị Hồng N và ông Nguyễn Thanh H đang có khoản vay tại Ngân hàng TMCP BV. Số tiền còn nợ tạm tính đến 03/8/2020 là: Nợ gốc 16.249.970đ, nợ lãi 781.336đ. Trước ngày 25/8/2020 bà Vũ Thị Hồng N và ông Nguyễn Thanh H không thanh toán hết phần quá hạn hoặc không đóng đầy đủ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ khởi kiện và thu hồi nợ.

Tại văn bản số 20/2020/TB-BVB ngày 18/9/2020: Ngày 25/4/2019 bà Vũ Thị Hồng N có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng TMCP BV – Chi nhánh Đắk Lắk vay số tiền 30.000.000đ, thời hạn vay 24 tháng. Hiện nay bà Vũ Thị Hồng N đã tắt toán khoản vay và không còn dư nợ tại Ngân hàng.

- **Tại văn bản ngày 03/8/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ trình bày:** Khoản nợ của bà Vũ Thị Hồng N và ông Nguyễn Thanh H

tại NH với tổng số tiền phải thanh toán tạm tính đến ngày 29/7/2020 là 14.000.000đ. Bà N và ông H cam kết nghĩa vụ trả nợ theo biên bản làm việc ngày 28/7/2020 (Tại biên bản làm việc bà N cam kết trả nợ như sau: ngày 28/5/2020 trả 7.592.482đ. Số nợ còn lại nộp định kỳ vào ngày 25/9; 25/10; 25/11; 25/12 mỗi kỳ 1.515.000đ).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị Hồng N, cho chị N được ly hôn với anh H.

- Về con chung: anh H và chị N có 03 con chung là Nguyễn Vũ Anh T, sinh ngày 17/4/2010; Nguyễn Vũ Tuấn V, sinh ngày 30/8/2013 và Nguyễn Vũ Tuấn Th, sinh ngày 10/4/2017. Hiện các con chung đang ở cùng anh H, chị N đồng ý giao cả ba con chung cho anh H nuôi dưỡng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giao cả ba con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: các đương sự đã tự thỏa thuận và những người có quyền lợi liên quan không có yêu cầu độc lập không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Vũ Thị Hồng N có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Thanh H và xin nuôi con chung. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn cư trú tại thôn T, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự tham gia tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ

của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng; người có quyền lợi liên quan Ngân hàng TMCP Đ, Ngân hàng TMCP BV, Ngân hàng C và bà Trần Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị Hồng N và anh Nguyễn Thanh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/3/2010. đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian dài, đến khoảng đầu năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp. Anh H thường xuyên đánh đập chị. Gần nhất vào ngày 08/02/2020 vợ chồng xảy ra cãi vã, anh H tiếp tục đánh đập chị, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ những nguyên nhân trên, chị N yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị ly hôn anh H.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, vợ chồng anh H, chị N đã xảy ra mâu thuẫn xô xát nhiều lần, hiện hai người đã sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H đã xảy ra, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: anh H và chị N có 03 con chung là Nguyễn Vũ Anh T, sinh ngày 17/4/2010; Nguyễn Vũ Tuấn V, sinh ngày 30/8/2013 và Nguyễn Vũ Tuấn Th, sinh ngày 10/4/2017. Hiện các con chung đang ở cùng anh H, chị N đồng ý giao cả ba con chung cho anh H nuôi dưỡng, anh H có nguyện vọng nuôi con. Do đó giao cả ba con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt vấn đề giải quyết.

- *Về nợ chung*: Các đương sự đã tự thỏa thuận, những người có quyền lợi liên quan Ngân hàng TMCP Đ, Ngân hàng TMCP BV, Ngân hàng C và bà Trần Thị H không có yêu cầu độc lập nên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Khi đương sự có đơn khởi kiện sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Vũ Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Hồng N.

- *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị Hồng N và anh Nguyễn Thanh H.

- *Về nuôi con chung:* Giao các con chung Nguyễn Vũ Anh T, sinh ngày 17/4/2010; Nguyễn Vũ Tuấn V, sinh ngày 30/8/2013 và Nguyễn Vũ Tuấn Th, sinh ngày 10/4/2017 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Chị Vũ Thị Hồng N phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, biên lai số 0008587 ngày 07 tháng 7 năm 2020.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Ea;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên